

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CUỐI HK1 - NĂM HỌC 2021-2022
(Tính đến ngày 21/01/2022)

Tính đến ngày 21/01/2022)

[illegible]

ngày 24 tháng 01 năm 2021

Người lập bảng

Văn Thị Ngọc Thu

Nguyễn Hồng Phúc

SỐ LIỆU HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2021-2022

Tổng số trường	Riêng biệt	Chung với THCS	Số điểm trường	Xây mới	Trường có trên 30 lớp	Dân lập - Tự thực	2 buổi/ ngày	2 buổi/ Có BT	Học trên 5 buổi/ tuần	Ngày thể dục	Ngày tiếng Hoa	Dạy TA Tự chọn	Dạy TA Đề án	Dạy TA Tăng cường	Dạy TA Tích hợp	Ngày tiếng Pháp	Ngày Tin học tự chọn	Ngày Phở cấp	hếp ăn tại trường	Xuất ăn công nghiệp	Số trường đạt CQG
1	1						1	1	1	1			1	1	1		1		1		
LỚP	Tổng số	Chung với THCS	Số lớp ở điểm trường	Số phòng xây mới	Số lớp có > 40 HS	Dân lập - Tự thực	2 buổi/ ngày	2b/ngày Có BT	Học trên 5 buổi/ tuần	Học thể dục	Học tiếng Hoa	TA Tự chọn	TA Đề án	TA Tăng cường	TA Tích hợp	Học tiếng Pháp	Học Tin học tự chọn	Học Phở cấp	Linh hoạt		
1														4							
2	4				4		4	4	4	4			1	4			4				
4	5				4		4	4	4	5			1	4			1				
5	5				5		4	4	4	5			1	4			1				
Cộng	14				13		12	12	12	14			2	12			6				
HỌC SINH	Tổng số	Nữ	Chung với THCS	Nữ	Dân lập - Tự thực	Nữ	2 buổi/ ngày	2b/ngày Có BT	Học trên 5 buổi/ tuần	Học thể dục	Học tiếng Hoa	TA Tự chọn	TA Đề án	TA Tăng cường	TA Tích hợp	Học tiếng Pháp	Học Tin học tự chọn	Học Phở cấp	Nữ	Linh hoạt	Nữ
1																					
2																					
3	186	94					186	186	186	186				186			186		94		
4	212	98					182	182	182	212			33	179			33		15		
5	226	122					183	183	183	226			43	183			43		20		
Cộng	624	314					551	551	551	624			76	551			262		129		
Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	Hợp tác	Tự học và giải quyết vấn đề	Tự tin, trách nhiệm	Trung thực, kỉ luật	Đoàn kết, yêu thương	HTT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT
3	186			186			186														
4	207	5		209	3		183	27	2												
5	226			226			226														
Cộng	619	5		621	3		595	27	2												
Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	Tự tin, trách nhiệm	Trung thực, kỉ luật	Đoàn kết, yêu thương	HT	HTT	CHT	HT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT
3	186			186			186			186											
4	177	33	2	209	3		209	3		212											
5	226			226			226			226											
Cộng	589	33	2	621	3		621	3		624											

TRƯỜNG

Lưu ý: Đây là bảng đánh giá Năng lực, phẩm chất dành cho lớp 3 đến lớp 5 (nhập số lượng, không nhập tỉ lệ %)

Lưu ý: Đây là bảng đánh giá Năng lực, phẩm chất dành cho lớp 3 đến lớp 5 (nhập số lượng, không nhập tỉ lệ %)

TRƯỜNG TIỂU HỌC
SƠN CANG

Lưu ý: Đây là bảng đánh giá Phẩm chất, năng lực dành cho học sinh lớp 1, 2 từ năm học 2021 - 2022 (nhập số lượng, không nhập tỉ lệ %)

[illegible]

Điểm KIDK Lớp 1	Tổng số	Dạy KT	Tổng số dưới 5	%	Tổng số trên 5	%	Đánh giá Lớp 1	Tổng số	HTT	%	HT	%	CHT	%
Trưởng Việt							Đặc Đức							
Toàn							Mĩ Thuật							
							Âm Nhạc							
							GDTC							
							TNXH							
							HĐTN							

Điểm KĐĐK Lớp 2	Tổng số	Dự KT	Tổng số dưới 5	%	Tổng số trên 5	%	Đánh giá Lớp 2	Tổng số	HTT	%	HT	%	CHT	%	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC HS (TT27)										HSDG THEO KHGD/CN				
															KHỐI LỚP	TSTH	HTXS	%	HTT	%	HT	%	CHT	%					
Tiếng Việt							Đạo Đức									1													
Toán							Mĩ Thuật									2													
																TRƯỜNG TIỂU HỌC													
																SƠN CANG													
																										[2]			

SỐ LIỆU HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2021-2022

Điểm KTĐK Lớp 3	Tổng số	Dự KT	Tổng số dưới 5	%	Tổng số trên 5	%	Đánh giá Lớp 3	Tổng số	HTT	%	HT	%	CHT	%
Tiếng Việt	186	186	1	0.50	185	99.50	Đạo Đức	186	186	100.00		0.00		
Toán	186	186	4	2.10	182	97.90	Thủ Công	186	186	100.00		0.00		
Ngoại ngữ	186	186	0	0%	186	100%	Mĩ Thuật	186	179	96.24	7	3.76		
Tin học	186	186	2	1.00	184	99.00	Âm Nhạc	186	180	96.77	6	3.23		
							Thể Dục	186	146	78.49	40	21.51		
							TNXH	186	186	100.00		0.00		
Điểm KTĐK Lớp 4	Tổng số	Dự KT	Tổng số dưới 5	%	Tổng số trên 5	%	Đánh giá Lớp 4	Tổng số	HTT	%	HT	%	CHT	%
Tiếng Việt	212	212		0.00	212	100.00	Đạo Đức	212	206	97.17	6	2.83		0.00
Toán	212	212	12	5.66	200	94.34	Kĩ thuật	212	212	100.00		0.00		0.00
Khoa học	212	212	1	0.47	211	99.53	Mĩ Thuật	212	169	79.72	22	10.38	21	9.91
Lịch sử- Địa lý	212	212	2	0.94	210	99.06	Âm Nhạc	212	200	94.34	12	5.66		0.00
Ngoại ngữ	212	212	0	0%	212	100%	Thể Dục	212	160	75.47	38	17.92	14	6.60
Tin học	33	33	3	9.09	30	90.91								
Điểm KTĐK Lớp 5	Tổng số	Dự KT	Tổng số dưới 5	%	Tổng số trên 5	%	Đánh giá Lớp 5	Tổng số	HTT	%	HT	%	CHT	%
Tiếng Việt	226	226	1	0.4%	225	99.6%	Đạo Đức	226	226	100%				
Toán	226	226	4	1.8%	222	98.2%	Kĩ thuật	226	226	100%				
Khoa học	226	226	0	0.0%	226	100%	Mĩ Thuật	226	152	67.26	74	32.74		
Lịch sử- Địa lý	226	226	2	0.9%	224	99.1%	Âm Nhạc	226	200	88.50	26	11.50		
Ngoại ngữ	226	226	0	0%	226	100%	Thể Dục	226	148	65.50	78	34.50		
Tin học	33	43	3	0.09	30	91.00								

TRƯỜNG TIỂU HỌC
SƠN CANG

Tên Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022
TRƯỜNG TIỂU HỌC
SƠN CANG
HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hồng Phúc

Người lập bảng
Vân Thị Ngọc Thu